

👉 たすけてください 日本語ができません
 ช่วยด้วย พูดภาษาญี่ปุ่นไม่เป็น
 Làm ơn giúp tôi,
 tôi không nói được tiếng nhật.

👉 わたしのかわりに 電話してください
 ช่วยโทรไปที่นี้ให้หน่อย
 Làm ơn gọi điện thoại giúp tôi.



作成/認定 NPO 法人ふじみの国際交流センター

อำเภอ • Cơ quan hành chính thành phố • しやくしょ

Tel.

สถานทูต • Đại sứ quán • たいしかん

Tel.

Tel. 119 ไฟไหม้/บาดเจ็บ/ป่วย
 かじ/けが/びょうき Hỏa hoạn/vết thương/bệnh tật

Tel. 110 ตำรวจ • Cảnh sát • けいさつ

048-833-3296 ที่ให้คำปรึกษาคนต่างชาติ
 外国人総合相談センター埼玉 がいこくじんのための そうだん まどぐち
 Quầy tư vấn dành cho người nước ngoài

みなさま これは外国人緊急カードです

このカードの提示がありましたら力を貸してください

บัตรฉุกเฉิน • Thẻ khẩn cấp

タイ語 • ベトナム語

ชื่อ • Họ tên • なまえ

ชื่อ

M F

ภาษา • Ngôn ngữ • ことば

วันเดือนปีเกิด • Ngày sinh
 うまれた ひ . . .

ประเทศ • Quốc tịch
 <に

ที่อยู่ • Địa chỉ • じゅうしょ

Tel.

กลุ่มเลือด • Nhóm máu
 けつえきがた A B O AB

เลขที่พาสปอร์ต • Số hộ chiếu

パスポート ほんごう

เลขที่ตามบัตรที่อาศัยอยู่ในญี่ปุ่น • Số thẻ cư trú

在留カード ばんごう

🌻 ช่วยติดต่อที่นี้ให้หน่อย • Hãy liên lạc đến đây.

ここにねんらくしてください

ชื่อ • Họ tên • なまえ

Tel.

Tel.

Tel.

ที่หลบภัย • Nơi lánh nạn • ひなん ばしょ

กรอกเป็นภาษาญี่ปุ่น • Hãy viết bằng tiếng nhật.

ตามร่างกาย • Tình trạng cơ thể tôi

わたしのからだ

โรงพยาบาล • Bệnh viện • びょういん

Tel.

ภูมิแพ้ • dị ứng • アレルギー

ชื่อโรค • Tên bệnh • びょうきの なまえ

ยา • Thuốc • ぐすり